



Welcome to

**Chemical Management Initiative
CMI 2023**

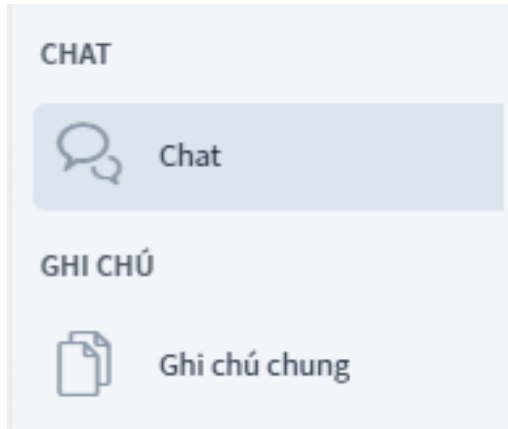
July-August 2023



HỌC PHẦN 3: SỬ DỤNG NGUỒN THÔNG TIN VÀ ĐẢM BẢO TRUY XUẤT NGUỒN GỐC HÓA CHẤT

25th July 2023

HƯỚNG DẪN CHUNG TRONG LỚP HỌC



➔ Đặt câu hỏi cho CMA trong phòng chat bất cứ lúc nào

➔ Viết ghi chú chung trong hội nghị để lưu lại



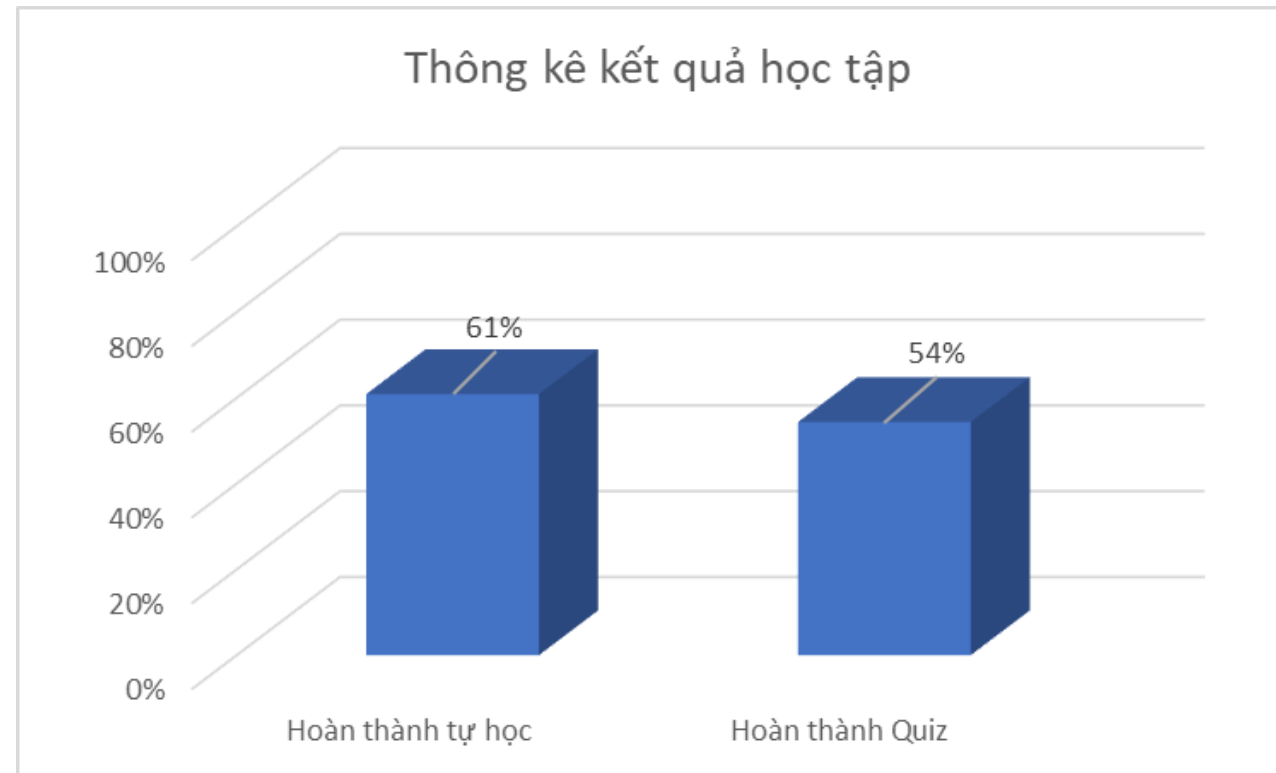
Tắt mic, trừ lúc thảo luận



Góc phải bên dưới màn hình

THỐNG KÊ SỐ LIỆU (cập nhật 08:00 ngày 25/07/2023)

Hoàn thành tự học	56
Hoàn thành Quiz	50
Tổng số học viên	92



NỘI DUNG

I

5 phút với Module 2

II

Module 3.1: SDS, Nhãn hóa chất

III

Module 3.2: Truy xuất nguồn gốc

IV

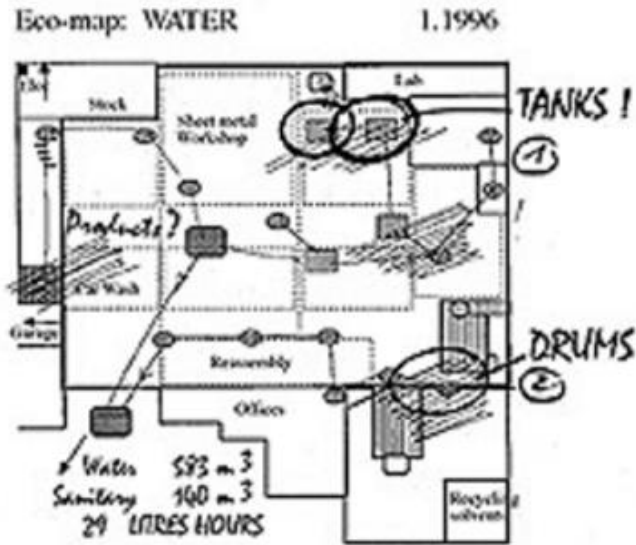
Ứng dụng hỗ trợ dịch SDS

V

Q&A

Tóm tắt Module 2

Lập sơ đồ sinh thái

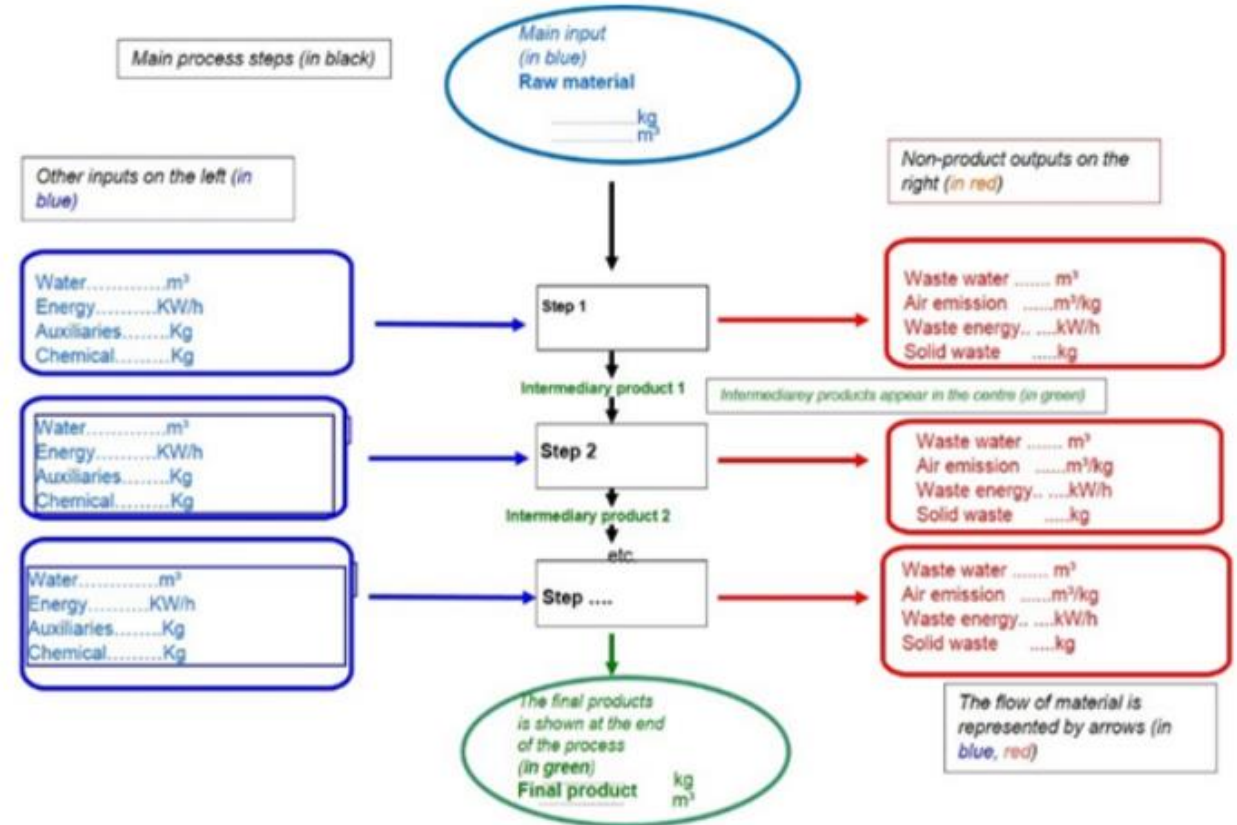


TO DO:

1. Pierre A.: Empty septic tank
Weld sedimentation tank → 6.96
2. Emico M.: Close drums
Move hydraulic oil immediately!!

OK ✓

Lập Sơ đồ lưu đồ quy trình sản xuất



Mục đích của việc kiểm kê hóa chất

- Chứng minh và báo cáo việc tuân thủ các quy định hoặc yêu cầu hiện có (những yêu cầu cụ thể về nhãn hàng và yêu cầu pháp lý) .
- xác định và đánh giá các hóa chất độc hại đang lưu hành
- Tiến hành đánh giá rủi ro của từng loại hóa chất và phân loại hóa chất cho phù hợp.
- Cải thiện việc đánh giá những thông tin kiểm soát rủi ro và an toàn
- Xác định và lựa chọn các lĩnh vực ưu tiên cho việc quản lý rủi ro các hóa chất hoặc. Cho việc tìm ra các chất thay thế.
- Sử dụng làm cơ sở thông tin để theo dõi kiểm soát rủi ro và các yêu cầu khẩn cấp như lưu trữ an toàn, kiểm soát kỹ thuật, thiết bị bảo hộ cá nhân hoặc các điều khoản khẩn cấp



Định dạng Kiểm kê Hóa chất

CHEMICAL INVENTORY

Responsible for Area and Title
Person Completing Inventory and Title
Date Inventory Completed and Reviewed

Department	Building	Room #	Product name	Chemical Name	Chemical Supplier	CAS #	Quantity	Units	SDS on file?	Hazard Class	R Phrase	11 ZDHC Priority Chemical Classes	On Factory/ZDHC MRSL?	On Brand's RSL?	Shelf Life	Catalogue Order Number/Supplier Order Number
									Use drop down arrow to select	Use drop down arrow to select		Use drop down arrow to select	Use drop down arrow to select	Use drop down arrow to select		
Dye Weigh House	#1	12	Hydrochloric acid (37%)	Hydrochloric Acid	XYZ Chemical Company	7647-01-0	2	litres	YES	Class 8	R 35	N/A	No	No	Jun-15	xxx-xx-xx
Dyeing	#3	-	Glauber's salt	Sodium sulfate	ABC Chemical Company	7757-82-6	1000	kg	YES	Non-hazardous	N/A	N/A	No	No	Jun-15	xxx-xx-xx

Module 3.1.1: SDS và Nhãn Hóa chất

Bảng dữ liệu an toàn hóa chất

Các dạng tên và viết tắt thường gặp:

- MSDS
- SDS
- Phiếu an toàn hóa chất
- Bảng dữ liệu an toàn hóa chất
- Bảng dữ liệu an toàn nguyên vật liệu

Conforms to Regulation (EC) No. 1907/2006 (REACH), Annex II, as amended by Commission Regulation (EU) 2015/830 - Europe

SAFETY DATA SHEET

RHENOGRAN DTDm-80



04982568

SECTION 1: Identification of the substance/mixture and of the company/undertaking

1.1 Product identifier

Product name : RHENOGRAN DTDm-80

Hazardous ingredients : Contains: di(morpholin-4-yl) disulphide, Alcohols, C16-18, ethoxylated, morpholine

1.2 Relevant identified uses of the substance or mixture and uses advised against

Suitable uses : Cross-linking agent.

1.3 Details of the supplier of the safety data sheet

Supplier : LANXESS Deutschland GmbH
Production, Technology, Safety & Environment
51369 Leverkusen, Germany, Telephone: +49 221 8885 2288
E-mail: infods@lanxess.com

1.4 Emergency telephone number

Telephone number : +49 214 30 99300 (Sicherheitszentrale CHEMPARK Leverkusen)

SECTION 2: Hazards identification

2.1 Classification of the substance or mixture

Classification according to Regulation (EC) No. 1272/2008 [CLP/GHS]

Classification : Eye Irrit. 2, H319
Skin Sens. 1, H317
STOT SE 3, H335
Aquatic Chronic 2, H411

Ingredients of unknown toxicity : Percentage of the mixture consisting of ingredient(s) of unknown toxicity: 2,8%

Ingredients of unknown ecotoxicity : Percentage of the mixture consisting of ingredient(s) of unknown hazards to the aquatic environment: 2,8%

See Section 16 for the full text of the H statements declared above.

2.2 Label elements

Hazard pictograms :



Signal word : Warning

Hazard statements : Contains: di(morpholin-4-yl) disulphide, Alcohols, C16-18, ethoxylated, morpholine

H319 - Causes serious eye irritation.
H317 - May cause an allergic skin reaction.
H335 - May cause respiratory irritation.
H411 - Toxic to aquatic life with long lasting effects.

Precautionary statements

Prevention : Wear protective gloves and eye/face protection. Avoid release to the environment. Avoid breathing dust.

Response : IF INHALED: Remove person to fresh air and keep comfortable for breathing. IF IN EYES: Remove contact lenses, if present and easy to do. Continue rinsing. If eye irritation persists: Get medical attention.

Storage : Store locked up.

Disposal : Dispose of contents and container in accordance with all local, regional, national and international regulations.

Date of issue : 2017-08-16

LANXESS
Business Unit

Page: 1/12

Đối tượng sử dụng

Không phải tất cả thông tin trong SDS đều liên quan đến những người sử dụng khác nhau

- Bất kỳ công nhân nào có tiếp xúc với hóa chất tại nơi làm việc.
- Ban an toàn nhà máy và đội ngũ thực hiện An toàn, Sức khỏe và Môi trường.
- Quản lý các phòng/ban.
- Quản đốc hay trưởng nhóm sản xuất.
- Nhân viên phòng thí nghiệm.
- Nhân viên vận hành nhà máy xử lý nước thải.
- Nhân viên trong nhóm ứng phó sự cố, như lính cứu hỏa, nhân viên y tế của nhà máy hoặc nhân viên trung tâm y tế.
- Các thành viên trong nhóm điều tra tai nạn

SAFETY DATA SHEET	
Version 1.2	
1. IDENTIFICATION OF THE SUBSTANCE/PREPARATION AND OF THE COMPANY/UNDERTAKING	
Product identifier Product Name Product Code	Reactive black 5 SC-215793
Recommended use of the chemical and restrictions on use For research use only. Not intended for diagnostic or therapeutic use.	
Details of the supplier of the safety data sheet Santa Cruz Biotechnology, Inc. 10410 Finnell Street Dallas, TX 75220 831.457.3800 800.457.3801 scbt@scbt.com	Emergency telephone number Chemicals 1.800.424.9300 (Within USA) +1.703.527.3887 (Outside USA)
2. HAZARDS IDENTIFICATION	
This chemical is considered hazardous by the 2012 OSHA Hazard Communication Standard (29 CFR 1910.1200).	
Classification Respiratory sensitization Skin sensitization	Category 1 Category 1
Label elements Signal word Hazard statements	Danger May cause allergy or asthma symptoms or breathing difficulties if inhaled May cause an allergic skin reaction
Symbols/Pictograms	
Precautionary Statements - Prevention	Avoid breathing dust/fume/gas/mist/vapors/spray In case of inadequate ventilation wear respiratory protection Contaminated work clothing should not be allowed out of the workplace
Precautionary Statements - Response	Wear protective gloves If exposed or concerned: Get medical advice/attention IF ON SKIN: Wash with plenty of soap and water If skin irritation or rash occurs: Get medical advice/attention Wash contaminated clothing before reuse IF INHALED: If breathing is difficult, remove victim to fresh air and keep at rest in a position comfortable for breathing If experiencing respiratory symptoms: Call a POISON CENTER or doctor/physician
Precautionary Statements - Disposal	Dispose of contents/container to an approved waste disposal plant
Hazards not otherwise classified (HNOC) Hazards not otherwise classified (HNOC)	Not applicable
1 / 6	

II. Những yêu cầu trong bảng dữ liệu an toàn

16 Mục tiêu chuẩn (theo GHS)

- Mục 1: Nhận dạng các hợp chất và doanh nghiệp
- Mục 2: Nhận diện các chất nguy hiểm
- Mục 3: Thành phần hợp chất và thông tin
- Mục 4: Các biện pháp sơ cứu
- Mục 5: Các biện pháp chữa cháy
- Mục 6: Các biện pháp giảm nhẹ tai nạn
- Mục 7: Xử lý và bảo quản
- Mục 8: Kiểm soát phơi nhiễm/ Bảo hộ cá nhân
- Mục 9: Các đặc tính vật lý và hóa học
- Mục 10: Tính ổn định và khả năng phản ứng
- Mục 11: Thông tin về chất độc hại
- Mục 12: Thông tin sinh thái
- Mục 13: Những lưu ý trong xử lý/ thải bỏ
- Mục 14: Thông tin vận chuyển
- Mục 15: Thông tin các quy định
- Mục 16: Thông tin khác

Module 3.1.2: Ghi nhãn thùng chứa hóa chất

Một số hệ thống ghi nhãn khác nhau trên thế giới



Europe (old)



USA



GHS – Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất

Vượt qua những khó khăn - Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS)

Được tạo ra và quản lý bởi Liên Hợp Quốc; được áp dụng ở hầu hết các quốc gia lớn trên toàn cầu và thường được đề cập đến trong chuỗi cung ứng dệt may và da giày










Mục tiêu chính là giới thiệu một hệ thống được thống nhất thay thế cho một loạt các phân loại và ghi nhãn nguyên vật liệu hiểm họa đã được sử dụng trước đây trên quy mô toàn cầu.



Các yếu tố chủ chốt bao gồm:

- Các tiêu chí đánh giá và phân loại các hiểm họa hóa chất được tiêu chuẩn hóa
- Những ký hiệu về các hiểm họa hóa chất phổ biến
- Các cấu trúc hài hòa và nội dung của bảng dữ liệu an toàn

GHS – Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất

	GHS 01 Hóa chất dễ nổ			GHS 06 Hóa chất độc
	GHS 02 Hóa chất dễ cháy			GHS 07 Hóa chất nguy hại
	GHS 03 Hóa chất tự ôxi hóa			GHS 08 Hóa chất có thể gây ung thư
	GHS 04 Bình chứa khí nén			GHS 09 Hóa chất nguy hại với môi trường
	GHS 05 Hóa chất ăn mòn			

Ghi nhãn phù hợp cho các thùng chứa hóa chất

Tên loại hóa chất vận chuyển thích hợp và mã số UN

Nhãn Vận chuyển



Tên hóa chất và định danh sản phẩm

XYZ Chemicals High street New town 0987 654 321		Highly inflammable liquid and vapour. Toxic if swallowed. Toxic in contact with skin. Toxic if inhaled. Causes damage to organs. Keep away from heat/ sparks/ open flames/ hot surfaces- No smoking. Do not breath mist/ vapours/ spray. Wear protective gloves/ protective clothing/ eye protection. IF SWALLOWED: Immediately call a POISON CENTRE or a doctor/ physician. IF ON SKIN (or hair): Remove/ take off immediately all contaminated clothing. Rinse skin with water/ shower. Store in a well ventilated place. Keep container tightly closed.
Methanol 603-001-00-X	Danger	

Biểu tượng và ký hiệu chữ

Cảnh báo phòng ngừa và nguy hại

Nguồn: UNIDO IAMC Toolkit, 2015

Module 3.1: SDS và Nhãn Hóa chất được quy định tại luật Việt Nam

SDS - Bảng dữ liệu an toàn hóa chất

Luật định Việt Nam

Nghị định 113/2017/NĐ-CP

Điều 24. Phiếu an toàn hóa chất

1. Hóa chất nguy hiểm và hỗn hợp chất chứa một hoặc một số chất nguy hiểm có hàm lượng lớn hơn hoặc bằng mức quy định sau phải xây dựng phiếu an toàn hóa chất:
2. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hóa chất nguy hiểm phải cung cấp Phiếu an toàn hóa chất cho các tổ chức, cá nhân tham gia vào hoạt động hóa chất.
3. Phiếu an toàn hóa chất phải được xây dựng bằng tiếng Việt. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan hướng dẫn cụ thể việc thực hiện xây dựng phiếu an toàn hóa chất.

Thông tư 32/2017/TT-BCT

Phụ lục 9

HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

(Kèm theo Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương)

STT	Yêu cầu bắt buộc	Giải thích
1	Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp	a) Mã phân loại sản phẩm theo GHS hoặc các nhận dạng khác của sản phẩm/hóa chất {Số CAS; số UN (nếu có); Số đăng ký EC (nếu có); Tên thương mại}

Các yêu cầu bắt buộc và thông tin trên đây có thể được thay đổi thứ tự và trình bày theo các hình thức khác nhau.

SDS được hiển thị ở đâu?

➔ Hiển thị ở đâu



Kho hóa chất



Khu vực NLD làm việc liên quan đến hóa chất



Bộ phận quản lý hóa chất

➔ Hiển thị như thế nào?



Hóa chất nguy hiểm – Khoản 4 điều 4 Luật hóa chất

4. *Hóa chất nguy hiểm* là hóa chất có một hoặc một số đặc tính nguy hiểm sau đây theo nguyên tắc phân loại của Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất:

a) Dễ nổ;



b) Ôxy hóa mạnh;



c) Ăn mòn mạnh;

d) Dễ cháy;



đ) Độc cấp tính;



e) Độc mãn tính;

g) Gây kích ứng với con người;



h) Gây ung thư hoặc có nguy cơ gây ung thư;

i) Gây biến đổi gen;

k) Độc đối với sinh sản;

l) Tích lũy sinh học;

m) Ô nhiễm hữu cơ khó phân huỷ;

n) Độc hại đến môi trường.

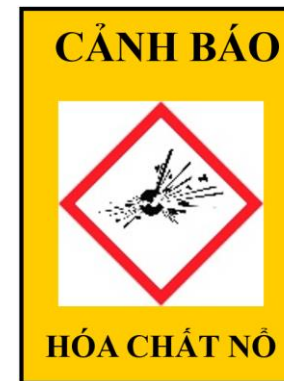


Hình đồ cảnh báo: mục 2.3 QCVN 05A/2020/BCT

Các biển báo phù hợp với mức độ nguy hiểm của hóa chất đặt ở vị trí dễ thấy, dễ đọc tại từng khu vực lưu trữ, thao tác với hóa chất nguy hiểm. Các biển báo phải thể hiện các đặc tính nguy hiểm của hóa chất và có ít nhất các thông tin: **hình đồ cảnh báo, từ cảnh báo, cảnh báo nguy cơ**. Trường hợp hóa chất có nhiều đặc tính nguy hiểm khác nhau thì các biển báo nguy hiểm phải thể hiện đầy đủ các đặc tính nguy hiểm đó.

Các biển báo nguy hiểm phải thiết kế đảm bảo **đễ nhận biết các hình đồ cảnh báo từ khoảng cách 5 m**.

Hình đồ cảnh báo, từ cảnh báo, cảnh báo nguy cơ thực hiện theo quy định tại **Thông tư 32/2017/TT-BCT** Quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất và **Nghị định số 113/2017/NĐ-CP** ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất hoặc các quy định hiện hành về phân loại, ghi nhãn hóa chất;



Nhãn hàng hóa: Điều 10 Thông tư 43/2017/NĐ-CP

Điều 10. Nội dung bắt buộc phải thể hiện trên nhãn hàng hóa

1. Nhãn hàng hóa bắt buộc phải thể hiện các nội dung sau:

a) Tên hàng hóa;

b) Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa;

c) Xuất xứ hàng hóa;

d) Các nội dung khác theo tính chất của mỗi loại hàng hóa được quy định tại Phụ lục I của Nghị định này và văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

2. Trường hợp hàng hóa có tính chất thuộc nhiều nhóm tại Phụ lục I hoặc chưa được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật, căn cứ vào công dụng chính của hàng hóa, tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa tự xác định nhóm của hàng hóa để ghi các nội dung quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp do kích thước của hàng hóa không đủ để thể hiện tất cả các nội dung bắt buộc trên nhãn thì phải ghi những nội dung quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này trên nhãn hàng hóa, những nội dung quy định tại điểm d khoản 1 Điều này được ghi trong tài liệu kèm theo hàng hóa và trên nhãn phải chỉ ra nơi ghi các nội dung đó.

Nhãn hóa chất

Nhãn chính/Nhãn phụ hóa chất: Thông tư 32/2017/TT-BCT

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Nhãn hóa chất* là bản viết, bản in, bản vẽ, bản chụp của chữ, hình vẽ, hình ảnh, được dán, in, đính, đúc, chạm, khắc trực tiếp trên hóa chất, bao bì thương phẩm của hóa chất hoặc trên các chất liệu khác được gắn trên hóa chất, bao bì thương phẩm của hóa chất.
2. *Ghi nhãn hóa chất* là việc thể hiện nội dung cơ bản, cần thiết về hóa chất lên nhãn hóa chất để người tiêu dùng nhận biết, làm căn cứ lựa chọn, tiêu thụ và sử dụng; để nhà sản xuất, kinh doanh thông tin, quảng bá cho hóa chất của mình và để các cơ quan chức năng thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát.
3. *Nhãn gốc của hóa chất* là nhãn thể hiện lần đầu do tổ chức, cá nhân sản xuất hóa chất gắn trên hóa chất, bao bì thương phẩm của hóa chất.
4. *Nhãn phụ* là nhãn thể hiện những nội dung bắt buộc được dịch từ nhãn gốc của hóa chất bằng tiếng nước ngoài ra tiếng Việt và bổ sung những nội dung bắt buộc bằng tiếng Việt theo quy định của pháp luật Việt Nam mà nhãn gốc của hóa chất còn thiếu.

Nhãn chính hóa chất (được sản xuất tại Việt Nam)

Hình đồ


Từ cảnh báo

Biện pháp phòng ngừa khi gặp sự cố

Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hóa chất

Tên hóa chất (CAS No)

Định lượng, thành phần, hoặc thành phần định lượng...

CỒN ETHANOL 99.8%		Mã nhận dạng hóa chất: 64-17-5	
Hình cảnh báo, từ cảnh báo, cảnh báo nguy cơ:  <ul style="list-style-type: none">• Từ cảnh báo : NGUY HIỂM• Nguy cơ cảnh báo: - Chất lỏng rất dễ bay hơi - Hơi và dung môi rất dễ cháy			
Biện pháp phòng ngừa: <ul style="list-style-type: none">- Tránh xa nguồn nhiệt, tia lửa, ngọn lửa. - Sử dụng nơi thông thoáng.- Mang găng tay, kính bảo hộ, khẩu trang khi làm việc.			
Thành phần/Thành phần định lượng:			
STT	Thành phần	Số CAS	Tỷ lệ (%)
1	Ethanol	64-17-5	≈ 99.8
2	Nước	7732-18-5	≈ 0.2
Định lượng: 1 lít	Ngày sản xuất:	Hạn sử dụng: 2 năm	
Hướng dẫn sử dụng và hướng dẫn bảo quản: <ul style="list-style-type: none">- Lưu trữ trong phòng kín, tránh ánh nắng trực tiếp và nguồn nhiệt- Sử dụng hệ thống thông gió khi lưu trữ.			
Xuất xứ hàng hóa: Việt Nam			
Thông tin nhà sản xuất, nhập khẩu, phân phối: Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Trang Anh Địa chỉ: 41A Phố Chợ, Phú Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội, Tel: 04.36752018 hoặc 0986316688			

Nhãn phụ hóa chất (Được dịch ra từ nhãn chính ngôn ngữ quốc tế)

- **Ban hành** bởi Đơn vị nhập khẩu (supplier/nhà máy)
- **Nội dung:** Dịch từ nhãn gốc (tiếng nước ngoài) hoặc trích lục từ SDS
- **Kích thước:** tùy thuộc vào phương tiện chứa, đảm bảo dễ nhìn, dễ đọc

Nhãn phụ tiếng Việt


Nhãn gốc tiếng Nhật



Nhãn thay thế (trong trường hợp hỏng, rách nhãn chính/phụ)

Nhãn chính/Nhãn phụ hóa chất Khoản 7.3 QCVN 05A/2020/BCT

Nhãn hàng hóa của hóa chất phải đảm bảo rõ, dễ đọc và không bị rách. Trường hợp nhãn bị mất hoặc hư hỏng không thể hiện rõ thông tin xác định hóa chất trong thiết bị chứa, phải tiến hành phân tích, xác định rõ tên và thành phần chính của hóa chất để bổ sung nhãn mới trước khi đưa ra lưu thông hoặc đưa vào sử dụng (kể cả trong trường hợp phải tiêu hủy).

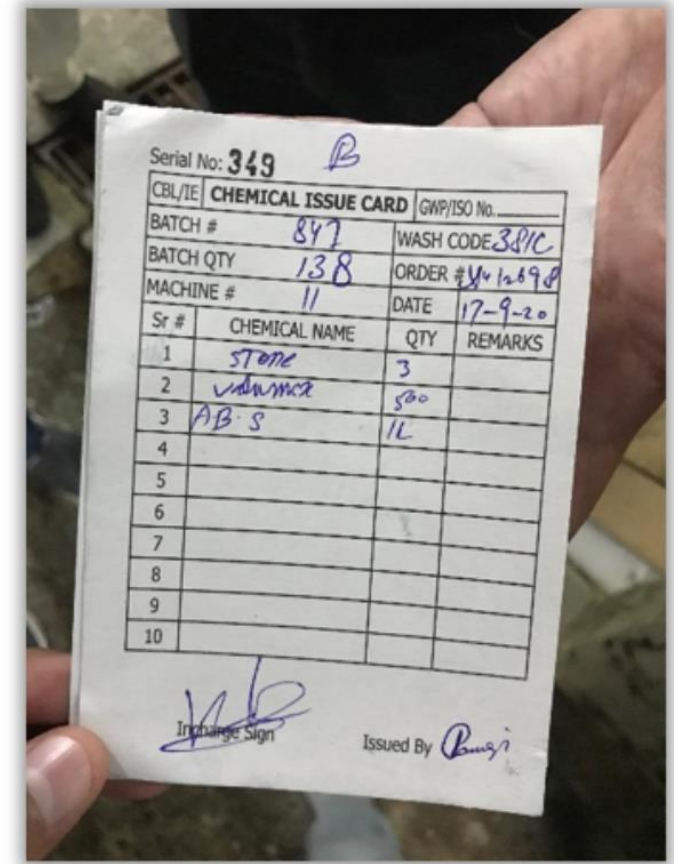
CHẤT ĂN MÒN		SẮT (III) CLORUA ($FeCl_3$)
		Hướng dẫn sử dụng, bảo quản: <ul style="list-style-type: none">- Tránh thải vào môi trường. Tránh xa nguồn nhiệt/ tia lửa/ngọn lửa trần.- Không ăn uống hay hút thuốc khi sử dụng sản phẩm.- Đóng nắp ngay sau khi sử dụng.
Biện pháp phòng ngừa: <ul style="list-style-type: none">- Xem hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.- Nếu nuốt phải: yêu cầu hỗ trợ y tế ngay lập tức.- Nếu dính vào da: rửa sạch với xà phòng và nước.- Nếu dính vào mắt: ngay lập tức rửa liên tục bằng nước và yêu cầu hỗ trợ y tế.- Xem thêm thông tin tại Phiếu an toàn hóa chất.		Định lượng ở 20 °C: 30 kg/ 1can; Thành phần: 40% $FeCl_3$; Ngày sản xuất: _____ Hạn sử dụng: 2 năm từ ngày sản xuất; Xuất xứ: Việt Nam
Nhà sản xuất: Công ty _____ Địa chỉ: _____ Điện thoại: _____ Fax: _____		

Module 3.2: Truy xuất nguồn gốc

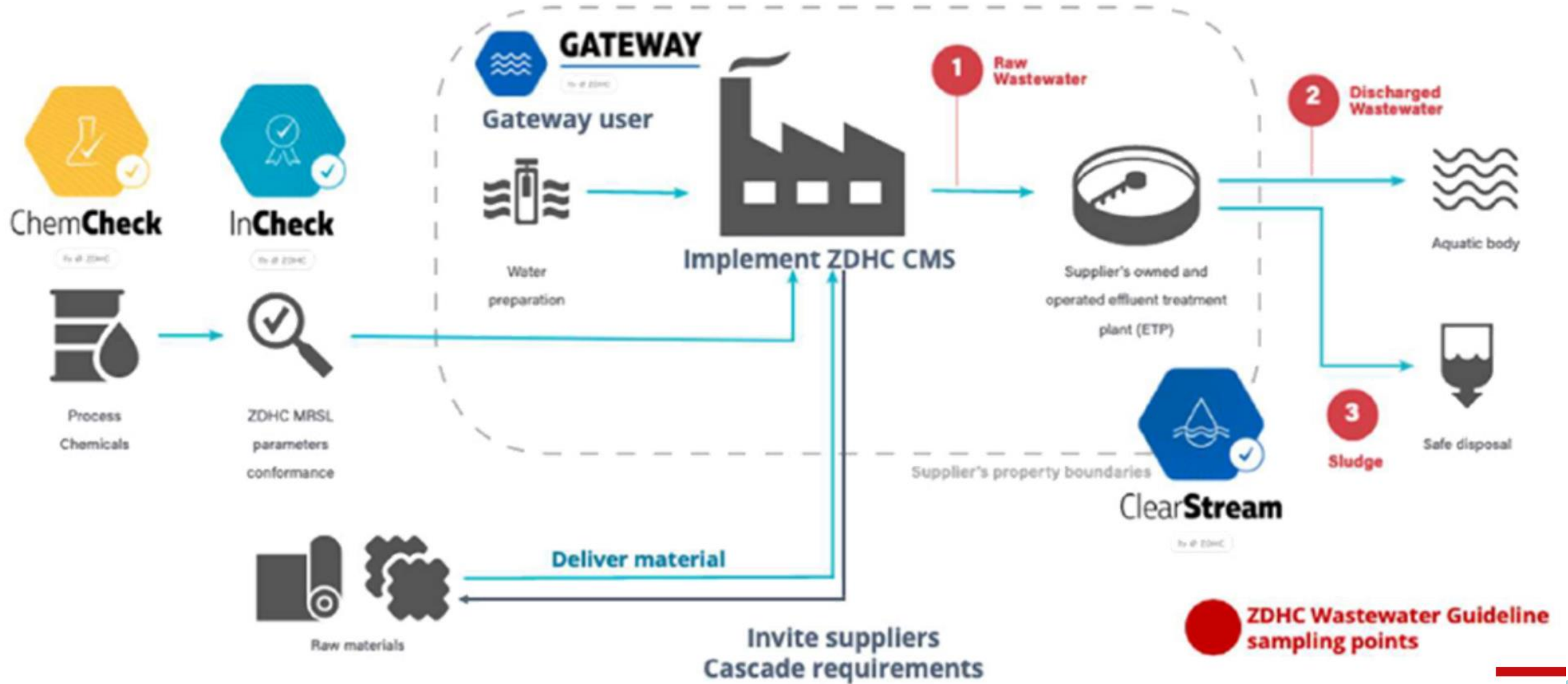
III. Các bước thực hành để xây dựng một hệ thống theo dõi

Xây dựng trên các hệ thống và cơ sở sẵn có của bạn

- Giám sát và ghi lại số lô thùng chứa (như một phần của hệ thống kiểm kê) – điều này có nghĩa là thông tin đó được cung cấp trên các thùng chứa dưới dạng ký hiệu, biểu tượng và các nhãn.
- Ghi số lô vào phiếu xuất hóa chất khi giao hóa chất từ cửa hàng.
- Ghi số lô hoặc đính kèm vào hồ sơ sản xuất lô.
- Đảm bảo đính kèm số lô thùng chứa hóa chất vào các mẫu được lấy để kiểm tra và kiểm định chất lượng



III. Các bước thực hành để xây dựng một hệ thống theo dõi



Bài tập: Xây dựng quá trình Truy xuất hóa chất từ Dây chuyền sản xuất về Danh mục kiểm kê hóa chất

Yêu cầu: Nhà máy xây dựng Quy trình/quá trình hoặc các yêu cầu cụ thể để đảm bảo được việc truy xuất nguồn gốc hóa chất từ Dây chuyền sản xuất về Danh mục kiểm kê hóa chất.

Thời gian: 15 phút

Trình bày: CMA gọi ngẫu nhiên 2-3 nhà máy trình bày (5 phút/nhà máy)

Ứng dụng: Dịch thuật SDS bằng website

Bài tập: Phân loại trách nhiệm cung cấp SDS đảm bảo yêu cầu của luật

Luật Việt Nam: SDS phải bằng tiếng Việt

Bài tập: Phân loại: **SDS Tiếng Việt được ban hành trong nhà máy thuộc trách nhiệm của ai (được cung cấp bởi ai)** trong các trường hợp sau.

1. Nhà máy mua hóa chất được sản xuất bởi nhà máy trong nước
2. Hóa chất được nhập khẩu bởi Supplier trong nước, nhà máy mua hóa chất từ supplier này
3. Hóa chất được nhập khẩu trực tiếp từ nhà máy sản xuất hóa chất nước ngoài

Thời gian suy nghĩ: 5 phút

Trình bày: CMA điều hành thảo luận

1. Nhà máy mua hóa chất được sản xuất bởi nhà máy trong nước
Gợi ý: SDS trong trường hợp này do **nhà máy sản xuất hóa chất chịu trách nhiệm về nội dung.**
2. Hóa chất được nhập khẩu bởi Supplier trong nước, nhà máy mua hóa chất từ supplier này
Gợi ý: SDS trong trường hợp này do **Supplier dịch từ ngôn ngữ nước ngoài sang tiếng Việt và chịu trách nhiệm về nội dung.**
3. Hóa chất được nhập khẩu trực tiếp từ nhà máy sản xuất hóa chất nước ngoài
Gợi ý: SDS trong trường hợp này do **Nhà máy tự dịch từ ngôn ngữ nước ngoài sang tiếng Việt và chịu trách nhiệm về nội dung**

3. Hóa chất được nhập khẩu trực tiếp từ nhà máy sản xuất hóa chất nước ngoài SDS trong trường hợp này do **Nhà máy tự dịch từ ngôn ngữ nước ngoài sang tiếng Việt**
- Nhà máy tự dịch bằng nhân viên của nhà máy (phòng Compliance, Phòng HSE, phòng QA ...) bằng phương pháp truyền thống hoặc áp dụng công nghệ
 - Nhà máy thuê chuyên gia, phòng dịch thuật, nhờ hỗ trợ bởi bên ngoài ... để dịch SDS
- Chịu Trách nhiệm về nội dung của SDS: Nhà máy

Ứng dụng: Sử dụng website hỗ trợ dịch thuật

Đáp ứng về chất lượng nội dung: 60-70%

Thời gian dịch: 3-5 phút/bản SDS

Định dạng: Word, pdf, picture ...

Ngôn ngữ: Tiếng Anh, Trung quốc, Hàn quốc, Nhật Bản ...

Link: <https://www.onlinedoctranslator.com/en/>

Hướng dẫn: Trực tiếp trên Website

THÔNG TIN BUỔI HỌC TIẾP THEO

I

Phân loại nguy cơ

II

Đánh giá rủi ro

III

Chemical Risk Assessment Toolkit

